

Phụ lục II
BẢNG ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY LÂU NĂM
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. Đơn giá bồi thường cây lâu năm thu hoạch 1 lần

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Chuối		
	Năm 1	đồng/cây	94.000
	Năm 2	đồng/cây	191.000
2	Dứa (Thơm, khóm)		
	Năm 1	đồng/cây	31.000
	Năm 2	đồng/cây	52.000

II. Đơn giá bồi thường cây lâu năm thu hoạch nhiều lần

1. Đơn giá bồi thường cây lâu năm (giai đoạn kiến thiết cơ bản)

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Xoài		
	Năm 1	đồng/cây	195.000
	Năm 2	đồng/cây	297.000
	Năm 3	đồng/cây	409.000
2	Mít		
	Năm 1	đồng/cây	194.000
	Năm 2	đồng/cây	287.000
	Năm 3	đồng/cây	402.000
3	Bưởi		
	Năm 1	đồng/cây	165.000
	Năm 2	đồng/cây	235.000
	Năm 3	đồng/cây	609.000
4	Thanh Long		
	Năm 1	đồng/bụi	63.000
	Năm 2	đồng/bụi	116.000
5	Chôm chôm		
	Năm 1	đồng/cây	245.000

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá
	Năm 2	đồng/cây	405.000
	Năm 3	đồng/cây	572.000
6	Bơ		
	Năm 1	đồng/cây	281.000
	Năm 2	đồng/cây	445.000
	Năm 3	đồng/cây	642.000
7	Sapoche		
	Năm 1	đồng/cây	142.000
	Năm 2	đồng/cây	207.000
	Năm 3	đồng/cây	363.000
8	Cam, Quýt, Chanh		
	Năm 1	đồng/cây	136.000
	Năm 2	đồng/cây	190.000
	Năm 3	đồng/cây	408.000
9	Mãng cầu tây		
	Năm 1	đồng/cây	108.000
	Năm 2	đồng/cây	142.000
	Năm 3	đồng/cây	228.000
10	Mãng cầu ta (na)		
	Năm 1	đồng/cây	81.000
	Năm 2	đồng/cây	117.000
11	Dừa		
	Năm 1	đồng/cây	359.000
	Năm 2	đồng/cây	550.000
	Năm 3	đồng/cây	710.000
12	Sầu riêng		
	Năm 1	đồng/cây	382.000
	Năm 2	đồng/cây	555.000
	Năm 3	đồng/cây	732.000
13	Nhãn		
	Năm 1	đồng/cây	156.000
	Năm 2	đồng/cây	235.000
	Năm 3	đồng/cây	315.000
14	Vú sữa		
	Năm 1	đồng/cây	159.000
	Năm 2	đồng/cây	239.000

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá
	Năm 3	đồng/cây	341.000
15	Ổi		
	Năm 1	đồng/cây	121.000
16	Đu đủ		
	Năm 1	đồng/cây	78.000
17	Sơ ri		
	Năm 1	đồng/cây	118.000
18	Mãng cụt		
	Năm 1	đồng/cây	195.000
	Năm 2	đồng/cây	271.000
	Năm 3	đồng/cây	354.000
19	Mận		
	Năm 1	đồng/cây	97.000
	Năm 2	đồng/cây	137.000
	Năm 3	đồng/cây	178.000
20	Táo		
	Năm 1	đồng/cây	359.000
21	Nho NH01-48, NH01-152...		
	Năm 1	đồng/cây	200.000
22	Nho đỏ, Nho rượu		
	Năm 1	đồng/cây	199.000
23	Chanh dây		
	Năm 1	đồng/ cây	85.000
24	Đinh Lăng		
	Năm 1	đồng/cây	11.000
	Năm 2	đồng/cây	13.000
	Năm 3	đồng/cây	29.000
25	Điêu		
	Năm 1	đồng/cây	63.000
	Năm 2	đồng/cây	115.000
	Năm 3	đồng/cây	172.000
26	Trôm		
	Năm 1	đồng/cây	66.000
	Năm 2	đồng/cây	114.000
	Năm 3	đồng/cây	166.000

2. Đơn giá bồi thường cây lâu năm (giai đoạn kinh doanh)

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Chu kỳ kinh doanh (năm)	Đơn giá bồi thường (số năm còn lại)
1	Táo		13	
	Năm 2	đồng/cây		2.303.000
	Năm 3	đồng/cây		2.191.000
	Năm 4	đồng/cây		1.963.000
	Năm 5	đồng/cây		1.675.000
	Năm 6	đồng/cây		1.413.000
	Năm 7	đồng/cây		1.175.000
	Năm 8	đồng/cây		963.000
	Năm 9	đồng/cây		770.000
	Năm 10	đồng/cây		598.000
	Năm 11	đồng/cây		446.000
	Năm 12	đồng/cây		343.000
	Năm 13	đồng/cây		147.000
2	Nho đỏ, Nho rượu		9	
	Năm 2	đồng/cây		1.566.000
	Năm 3	đồng/cây		1.413.000
	Năm 4	đồng/cây		1.159.000
	Năm 5	đồng/cây		927.000
	Năm 6	đồng/cây		704.000
	Năm 7	đồng/cây		505.000
	Năm 8	đồng/cây		312.000
	Năm 9	đồng/cây		139.000
3	Nho NH01-48 (Nho xanh)		10	
	Năm 2	đồng/cây		2.247.000
	Năm 3	đồng/cây		2010.000
	Năm 4	đồng/cây		1.647.000
	Năm 5	đồng/cây		1.360.000
	Năm 6	đồng/cây		1.070.000
	Năm 7	đồng/cây		816.000
	Năm 8	đồng/cây		601.000
	Năm 9	đồng/cây		358.000
	Năm 10	đồng/cây		180.000
4	Nho NH01-152		10	

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Chu kỳ kinh doanh (năm)	Đơn giá bồi thường (số năm còn lại)
	Năm 2	đồng/cây		2.541.000
	Năm 3	đồng/cây		2.246.000
	Năm 4	đồng/cây		1.835.000
	Năm 5	đồng/cây		1.477.000
	Năm 6	đồng/cây		1.153.000
	Năm 7	đồng/cây		867.000
	Năm 8	đồng/cây		618.000
	Năm 9	đồng/cây		406.000
	Năm 10	đồng/cây		199.000
5	Dừa		15	
	Năm 4	đồng/cây		2.376.000
	Năm 5	đồng/cây		2.258.000
	Năm 6	đồng/cây		2.130.000
	Năm 7	đồng/cây		1.930.000
	Năm 8	đồng/cây		1.641.000
	Năm 9	đồng/cây		1.368.000
	Năm 10	đồng/cây		1.132.000
	Năm 11	đồng/cây		917.000
	Năm 12	đồng/cây		729.000
	Năm 13	đồng/cây		505.000
	Năm 14	đồng/cây		289.000
	Năm 15	đồng/cây		145.000
6	Mãng cầu ta (na)		12	
	Năm 3	đồng/cây		791.000
	Năm 4	đồng/cây		726.000
	Năm 5	đồng/cây		639.000
	Năm 6	đồng/cây		529.000
	Năm 7	đồng/cây		425.000
	Năm 8	đồng/cây		327.000
	Năm 9	đồng/cây		232.000
	Năm 10	đồng/cây		154.000
	Năm 11	đồng/cây		101.00
	Năm 12	đồng/cây		45.000
7	Điều		30	
	Năm 4-6	đồng/cây		2.556.000

STT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Chu kỳ kinh doanh (năm)	Đơn giá bồi thường (số năm còn lại)
	Năm 7-9	đồng/cây		2.321.000
	Năm 10-12	đồng/cây		1.986.000
	Năm 13-15	đồng/cây		1.548.000
	Năm 16-18	đồng/cây		1.141.000
	Năm 19-21	đồng/cây		805.000
	Năm 22-24	đồng/cây		497.000
	Năm 25-28	đồng/cây		257.000
	Năm 29-30	đồng/cây		82.000

Ghi chú: Đối với cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần tại thời điểm kiểm kê có tuổi cây vượt số năm bồi thường trong mục 2 của Phụ lục này thì áp dụng đơn giá năm cuối của loại cây trồng đó.